TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T1** **TỈNH T2** Bản án số: 20/2025/HNGĐ- ST Ngày: 18/4/2025 V/v: "*Tranh chấp hôn nhân và gia đình*"	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T1, TỈNH T2

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa*: Ông Đồng Ngọc Huyền.

- *Các Hội thẩm nhân dân*:

1. Ông Vũ Văn Quảng.

2. Bà Tô Thị Hương.

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Lê Trung Hiếu Thư ký Tòa án.

- *Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện T1 tham gia phiên tòa*: Bà Mai Thị Tâm - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 4 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện T1, tỉnh T2 xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 189/2024/TLST- HNGĐ ngày 13/12/2024 về việc: "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 19/2025/QĐXX- ST ngày 26/3/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 10/2025/QĐST-HNGĐ ngày 10/4/2025 giữa:

- Nguyên đơn: Chị **Trần Thị Thảo U**, sinh năm 1996.

Địa chỉ:Ấp AL, xã AB, huyện LH, tỉnh V.

- Bị đơn: Anh **Hoàng Văn H1**, sinh năm 1986.

Địa chỉ: Tổ dân phố số x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2.

(Chị U vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt; anh H1 vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và quá trình tố tụng tại Tòa án, ngU đơn là chị Trần Thị Thảo U trình bày: Chị U và anh H1 kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 ngày 08/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính tình không hợp, anh H1 không quan tâm đến vợ con. Chị U và anh H1 ly thân từ tháng 07 năm 2024 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị đề nghị Tòa án nhân dân huyện T1 giải quyết cho chị được ly hôn với anh H1.

Về con chung: Chị U và anh H1 có 02 con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 09/5/2016 và Hoàng Th V, sinh ngày 14/3/2022. Sau khi ly hôn, chị U có nguyện vọng nuôi cháu Hoàng Th V. Giao cháu Hoàng Anh T cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị U không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn là anh Hoàng Văn H1 vắng mặt tại phiên tòa và không có lời khai.

Tại biên bản làm việc ngày 20/3/2025, bà Hoàng Thị Ng, sinh năm 1962, có địa chỉ tại Tổ dân phố số x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 (bà Ng là mẹ của anh Hoàng Văn H1) trình bày: Anh H1 và chị U tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 ngày 08/01/2014. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống với nhau 10 năm, quá trình chung sống mâu thuẫn do chị U tính tình thay đổi dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên cãi vã. Hiện nay chị U và anh H1 sống ly thân. Nay chị U xin ly hôn thì quan điểm của bà là mong muốn vợ chồng đoàn tụ để nuôi dạy con còn việc ở được với nhau hay không là do anh H1, chị U quyết định. Về con chung: Chị U và anh H1 có 02 con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh năm 2016 và Hoàng Th V, sinh năm 2022. Hiện nay cháu T đang ở với bố và gia đình nội. Cháu V đang ở cùng chị U. Nếu ly hôn thì nguyện vọng của bà và gia đình là muốn nuôi cả 02 con và không yêu cầu cấp dưỡng. Về tài sản, nợ chung: Không có gì. Hiện nay anh H1 công việc bận nên không lên tòa làm việc được. Anh H1 biết việc chị U nộp đơn ly hôn và nói là để chị U tự giải quyết. Bà nhận văn bản tố tụng của Tòa án và cam kết thông báo cho anh H1 biết. Tai buổi làm việc Tòa án có gặp cháu Hoàng Anh T là con chung của anh H1 và chị U, cháu T có nguyện vọng được ở với bố và ông bà nội.

Tại biên bản xác minh ngày 13/3/2025, Ủy ban nhân thị trấn T1 cung cấp như sau: Chị Trần Thị Thảo U có chồng là anh Hoàng Văn H1, anh H1 có hộ khẩu thường trú tại Tổ dân phố số x, thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Chị U và anh H1 kết hôn ngày 08/01/2014 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, T1. Quá trình chung sống vợ chồng có xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn cụ thể thế nào thì địa phương không nắm được. Về con chung: Anh H1 và chị U có 02 con chung là cháu Hoàng Anh T, sinh ngày 09/5/2016 và Hoàng Th V, sinh ngày 14/3/2022. Về tài sản chung của anh H1, chị U thì chính quyền địa phương không nắm được cụ thể. Quan điểm của chính quyền địa phương đề nghị Tòa án giải quyết vụ việc xin ly hôn theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện nghiêm túc các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, các văn bản tố tụng được tống đạt đầy đủ, đúng thời hạn cho các đương sự. Đối với nguyên đơn chấp hành chấp hành nghiêm chỉnh pháp luật, có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình. Bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án và không tham gia phiên tòa.

- Về nội dung vụ án: Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị xử cho chị U được ly hôn với anh H1. Về con chung: Giao con chung: Giao con chung Hoàng Anh Tài, sinh ngày 09/5/2016 cho anh Hoàng Văn H1 trực tiếp nuôi dưỡng và giao con chung Hoàng Thảo Vy, sinh ngày 14/3/2022 cho chị Trần Thị Thảo U trực tiếp nuôi dưỡng, hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Về tài sản, nợ chung: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Chị Trần Thị Thảo U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về tố tụng: Bị đơn là anh Hoàng Văn H1 có hộ khẩu thường trú tại thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2. Theo quy định tại các Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" giữa chị U và anh H1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện T1. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt bị đơn.

[2]. Về nội dung*:*

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Thảo U và anh Hoàng Văn H1 kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T1, huyện T1, tỉnh T2 ngày 08/01/2014. Tại thời điểm kết hôn, anh chị đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình. Đó là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, bất đồng về quan điểm sống. Hiện nay, chị U và anh H1 đã sống ly thân. Trong quá trình giải quyết vụ án và đơn xin xét xử vắng mặt, chị U vẫn giữ ngU yêu cầu xin được ly hôn với anh H1. Bị đơn là anh H1 đã được Tòa án giao, gửi Thông báo thụ lý vụ án, thông báo việc giải quyết vụ án ly hôn và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa nhưng anh H1 không đến Tòa án làm việc để thể hiện quan điểm của anh về việc chị U xin ly hôn anh. Mặt khác chị U và anh H1 sống ly thân từ tháng 07 năm 2024, quan hệ vợ chồng không còn tồn tại trên thực tế. Như vậy, hôn nhân của vợ chồng đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị U, giải quyết cho chị U được ly hôn với anh H1 là phù hợp với quy định tại điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2]. Về con chung: Chị Trần Thị Thảo U và anh Hoàng Văn H1 có hai con chung là Hoàng Anh T, sinh ngày 09/5/2016 và Hoàng Th V, sinh ngày 14/3/2022. Hiện nay con Hoàng Anh T đang ở cùng anh H1, con Hoàng Th V đang ở cùng chị U. Sau khi ly hôn, chị U có nguyện vọng xin được trực tiếp nuôi con chung Hoàng Th V và giao con chung Hoàng Anh T cho anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau. Gia đình anh H1 có nguyện vọng nếu ly hôn thì anh H1 và gia đình xin được trực tiếp nuôi cả 02 con. Xét thấy, hiện nay cháu Tài đang do anh H1 trực tiếp nuôi dưỡng, cháu V đang do chị U trực tiếp nuôi dưỡng. Cháu Hoàng Anh T trên 07 tuổi và có nguyện vọng ở với bố. Cháu Hoàng Th V mới trên 03

tuổi, hiện đang ở cùng mẹ nên cần sự chăm sóc của người mẹ. Cả anh H1 và chị U đều có nguyện vọng và khả năng nuôi dưỡng con chung. Vì vậy, để tạo điều kiện sinh sống, học tập và giữ sự ổn định cho trẻ nhỏ cũng như đảm bảo quyền được nuôi dưỡng, chăm sóc con. Hội đồng xét xử giao cho chị U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Hoàng Th V, sinh ngày 14/3/2022 và giao anh Hoàng Văn H1 được tiếp trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con Hoàng Anh T, sinh ngày 09/5/2016. Hai bên không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng nhau và đảm bảo quyền thăm nom, giáo dục con chung của chị U, anh H1 là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

[2.4]. Về án phí: Chị Trần Thị Thảo U phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[2.5]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 53, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình; Điểm a, khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị Thảo U được ly hôn với anh Hoàng Văn H1.

2. Về con chung: Giao cho chị Trần Thị Thảo U được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung Hoàng Th V, sinh ngày 14/3/2022. Giao cho anh Hoàng Văn H1 được trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung con chung Hoàng Anh T, sinh ngày 09/5/2016. Không bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bên nào.

Chị Trần Thị Thảo U và anh Hoàng Văn H1 có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở; việc thay đổi người trực tiếp nuôi dưỡng con chung, cấp dưỡng nuôi con chung được đặt ra giải quyết khi các đương sự có yêu cầu.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Về án phí: Chị Trần Thị Thảo U phải nộp 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đồng (ba trăm nghìn đồng) chị U đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T1 theo biên lai thu số 0002847 ngày 13/12/2024, chị U đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ./.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đồng Ngọc Huyền

Nơi nhận:

- VKSND huyện T1;
- Chi cục THADS huyện T1;
- UBND thị trấn T1;
- Các đương sự;
- Lưu.